

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10 /2019/HS - ST

Ngày: 01 - 3 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Hùng Hạnh.

Ông Vũ Xuân Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy tham gia phiên tòa:
Ông Phan Văn Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/HSST ngày 15 tháng 02 năm 2019, quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST- HS ngày 15 tháng 02 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Bùi Văn Ph- Sinh năm 1974, tại xã GH, huyện GT, tỉnh ND; nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: Xóm 8 xã GH, huyện GT, tỉnh ND. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn M (đã chết) và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1938; vợ là: Nguyễn Thị M, sinh năm 1969 (đã ly hôn tháng 6/2018); có 01 con, sinh năm 2006. Tiền án: Tháng 7/2007, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 15 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ra trại tháng 02/2018; tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại tại địa phương, chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 02 ngày 05/12/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Giao Thủy.

2. Họ và tên: Trịnh Văn Ph- Sinh năm 1958, tại xã GH, huyện GT, tỉnh ND; nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: Xóm 7 xã GH, huyện GT, tỉnh ND. Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 4/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trịnh Văn H, sinh năm 1927 và bà Phạm Thị C, sinh năm 1931; vợ là: Phạm Thị V, sinh năm 1963; có 03 con, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1990. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại

ngoại tại địa phương, chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 01 ngày 05/12/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Giao Thủy.

3. Họ và tên: Nguyễn Văn L- Sinh năm 1964, tại xã GH, huyện GT, tỉnh ND; nơi ĐKKTT và nơi cư trú: Xóm 8 xã GH, huyện GT, tỉnh ND. Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 1/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn V và bà Lê Thị H (đều đã chết); vợ là: Phạm Thị Nh, sinh năm 1966; có 02 con, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 1999. Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Tháng 3/1986, bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam Ninh tuyên phạt 42 tháng tù giam về tội “Lừa đảo để chiếm đoạt tài sản riêng của công dân”; Tháng 01/1991, bị Tòa án nhân dân huyện Xuân Thủy tuyên phạt 18 tháng tù giam về tội “Lừa đảo tài sản của công dân”; Tháng 8/2013, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Giao Thủy áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc 12 tháng. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/12/2018 cho đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định.

- *Người bị hại:* Chị Nguyễn Thị T- Sinh năm 1970; địa chỉ: Xóm 7, xã Giao Hà, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Có mặt các bị cáo và người bị hại.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng cuối tháng 9/2018, do đi làm ăn xa nên chị Nguyễn Thị T đã nhờ Trịnh Văn Ph (là hàng xóm) trông nhà giúp và sang trông cây hoa màu trên đất vườn nhà chị Tươi. Trưa ngày 02/10/2018, Trịnh Văn Ph đến nhà Bùi Văn Ph chơi. Trong khi ngồi nói chuyện, Ph nói với Ph1 là nhà Ph mới xây nhưng còn thiếu nhiều đồ dùng. Khi nghe Ph nói vậy, Ph1 nảy sinh ý định đến nhà bà Tươi trộm cắp tài sản cho Phúc. Ph1 nói với Ph “Không có tiền mua thì đi ăn trộm, có nhà để không, mà trong nhà có tủ, bàn ghế do tôi trông nhà nhưng không có chìa khóa nhà”. Ph hiểu ý và nói với Ph1 anh để cửa cho em, Ph sẽ lấy đồ và nói sẽ gọi thêm Nguyễn Văn L cùng xóm với Ph đi trộm cắp cùng. Khoảng 19 giờ cùng ngày, khi L sang nhà Ph chơi, Ph bàn với L về việc cùng Ph1 đến nhà chị Tươi để lấy trộm tài sản, L đồng ý. Khoảng 20 giờ cùng ngày, cả Ph1 và L đến nhà Phúc, Ph bảo Ph1 và L đến nhà bà Tươi lấy trộm tài sản về cho Ph (Ph không đi do bị đau chân) và sẽ được Ph trả công. Sau đó Phương, L đi bộ theo đường cánh đồng để vào nhà chị Tươi, Ph1 dùng tay cây chốt cửa lách phía sau nhà chị Tươi rồi cùng L vào trong nhà. Thấy có 01 chiếc tủ lạnh nhãn hiệu TOSHIBA, Phương, L cùng nhau khiêng về nhà Ph theo lối cánh đồng. Tiếp sau đó, Phương, L quay lại nhà chị Tươi lần lượt khiêng một bộ ghế gỗ salon 02 ghế đơn và 01 ghế gỗ dài về nhà cho Phúc. Sau khi Phương, L lấy trộm được các tài sản trên mang về cho Ph thì được Ph trả cho Ph1 500.000 đồng tiền công, Ph trả cho L 200.000 đồng tiền công. Ngoài ra, L còn lấy 01 quạt hộp nhãn hiệu Vina Wind nhà chị Tươi mang về nhà L để sử dụng đến ngày 05/10/2018 mang bán cho Ph lấy 50.000 đồng. Ngày 30/10/2018,

chị Tươi về nhà thì phát hiện bị mất các tài sản trên nên đã đến Công an trình báo sự việc.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Giao Thủy, cũng như tại phiên tòa: Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm của mình như đã nêu trên.

Tại phiên tòa: Chị Nguyễn Thị Tkhai, chị đã nhận lại đủ tài sản mà các bị cáo đã lấy trộm của chị, về trách nhiệm dân sự chị không có yêu cầu gì thêm. Về hình phạt đối với các bị cáo chị đề nghị xét xử theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/11/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Giao Thủy đã định giá và xác định: “ 01 tủ lạnh nhãn hiệu TOSHIBA, kiểu tủ ngăn đá trên, dung tích thực 171lít đã qua sử dụng có trị giá 2.100.000 đồng; 01 bộ ghế salon bằng gỗ nghiến màu nâu đỏ đã qua sử dụng gồm 02 ghế đơn có cùng kích thước (90x60x60) cm, 01 ghế dài kích thước (155x90x60) cm có trị giá 2.125.000 đồng; 01 quạt điện loại quạt hộp, nhãn hiệu Vinawind đã qua sử dụng có trị giá 175.000 đồng”. Tổng trị giá tài sản bị trộm cắp là: 4.400.000 đồng.

Bản cáo trạng số: 09/CT - VKS ngày 14/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy truy tố các bị cáo Bùi Văn Ph, Trịnh Văn Ph1, Nguyễn Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận: Do biết chị Nguyễn Thị Tươi nhà và trong nhà có tài sản nên Bùi Văn Ph đã bàn bạc với Trịnh Văn Ph và Nguyễn Văn L đến nhà chị Tươi trộm tài sản về cho sử dụng, Ph do đau chân nên không trực tiếp tham gia, còn Ph1 và L đến nhà chị Tươi dùng tay cạy chốt cửa lách phía sau rồi cùng L vào bên trong lấy tài sản của nhà chị Tươi. Tổng trị giá tài sản các bị cáo chiếm đoạt là: 4.400.000 đồng (trong đó có 175.000 đồng trị giá chiếc quạt chiếm đoạt). Ph đã trả tiền công cho Ph1 500.000 đồng và trả cho L 200.000 đồng. Đối với chiếc quạt sau đó L mang bán cho Ph lấy 50.000 đồng tiền tiêu xài hết. Như vậy hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Bùi Văn Ph1, Trịnh Văn Ph1, Nguyễn Văn L về tội “ Trộm cắp tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Văn Ph từ 09 đến 12 tháng tù. ”; áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trịnh Văn Ph từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 06 đến 09 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 50.000 đồng của bị cáo L do phạm tội mà có; Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 700.000 đồng thu giữ của Trịnh Văn Ph và Nguyễn Văn L.

Trong lời nói sau cùng các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Giao Thủy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án nên có đủ cơ sở xác định: Do biết nhà chị Nguyễn Thị Tkhông có ai ở nhà và trong nhà có tài sản nên Bùi Văn Phđã bàn bạc với Trịnh Văn Phvà Nguyễn Văn Lđến nhà chị Tlấy trộm tài sản về cho Phsử dụng và Phhứa sẽ trả công choPh1và Lân. Khoảng 20 giờ ngày 02/10/2018, Phở nhà, cònPh1vàLđi bộ theo đường cánh đồng đến nhà chị Tươi.Ph1dùng tay cạy chốt cửa lách phía sau rồi Phương,Lvào bên trong cùng nhau lần lượt khiêng 01 tủ lạnh Toshiba trị giá 2.100.000 đồng, 01 bộ bàn ghế salon trị giá 2.125.000 đồng mang về nhà cho Phúc. Sau đó Phtrả choPh1500.000 đồng vàL200.000 đồng tiền công. Ngoài ra,Lcòn lấy trộm của nhà chị T01 chiếc quạt loại Vinawind trị giá 175.000 đồng mang về nhà sử dụng, đến ngày 05/10/2018 thì mang bán cho Phlấy 50.000 đồng tiền tiêu xài hết. Tổng trị giá tài sản các bị cáo trộm cắp là: 4.400.000 đồng. Do đó các bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là cố ý, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo Phđã đã phải chấp hành hình phạt 15 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” mới ra trại tháng 02/2018; bị cáoLtừng 02 lần chấp hành hình phạt tù về tội xâm phạm sở hữu, nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân mà tiếp tục phạm tội; riêng đối với bị cáoPh1mặc dù tuổi đã cao nhưng thiếu hiểu biết pháp luật nên đã cùng các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác dẫn tới phạm tội. Do vậy cần áp dụng hình phạt tương xứng đối với từng hành vi của mỗi bị cáo nhằm trừng trị giáo dục riêng đối với từng bị cáo và đáp ứng công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung.

[3] Xét vị trí, vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo trong vụ án để đưa ra mức hình phạt phù hợp.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Bùi Văn Phcó 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, ra trại tháng 02/2018, chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan CSĐT và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân, ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Ph1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo Ph1 và bị cáo Ph đều có đơn trình bày điều kiện gia đình khó khăn được chính quyền địa Ph1 nơi cư trú xác nhận nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo đồng phạm về tội “Trộm cắp tài sản” bị cáo Ph giữ vai trò đầu vụ, vì khi được bị cáo Ph1 thông tin cho biết nhà chị T có tài sản nhưng chị T vắng nhà nên Ph đã bàn với Ph1 và L đến nhà chị T trộm cắp tài sản và trị giá tài sản chiếm đoạt được bị cáo Ph chiếm hưởng nhiều hơn. Do đó, vị trí của từng bị cáo xếp lần lượt như sau: Bùi Văn Ph, Trịnh Văn Ph1, Nguyễn Văn L.

Từ những phân tích trên đây, Hội đồng xét xử thấy cần thiết áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo Bùi Văn Ph và Nguyễn Văn L; áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo Trịnh Văn Ph1, như quan điểm đề xuất của Viện kiểm sát là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho chị T toàn bộ tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt. Chị T nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên trách nhiệm dân sự không đặt ra.

[5] Xử lý vật chứng: Đối với số tiền 700.000 đồng thu giữ của Trịnh Văn Ph và của Nguyễn Văn L là số tiền do Ph1 và L phạm tội mà có nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Đối với số tiền 50.000 đồng bị cáo L bán tài sản trộm cắp mà có, nên buộc bị cáo phải truy nộp để sung ngân sách Nhà nước.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Bùi Văn Ph, Trịnh Văn Ph1, Nguyễn Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Bùi Văn Ph 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Trịnh Văn Ph1 07 (Bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 tháng kể từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/12/2018.

Giao bị cáo Trịnh Văn Ph cho UBND xã GH, huyện GT, tỉnh ND giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước đối với số tiền 700.000 đồng.

(Được ghi chi tiết trong biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 14/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy).

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải truy nộp số tiền 50.000 đồng do phạm tội mà có để sung ngân sách Nhà nước.

3. Án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; nghị quyết số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Bùi Văn Ph, Trịnh Văn Ph 1, Nguyễn Văn L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo và người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ND;
- VKSND huyện GT;
- Chi cục THADS huyện GT;
- Trại tạm giam Công an tỉnh ND;
- Công an huyện GT;
- UBND xã GH;
- Bị cáo; người bị hại,
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Lâm

